

không có biến chứng lớn trong phẫu thuật. Kích thước bướu thận (trung bình là 74mm) và giai đoạn bệnh (chủ yếu pT2) ghi nhận trong phẫu thuật robot lớn hơn so với bướu thận được áp dụng phẫu thuật nội soi cổ điển, cho thấy khả năng linh hoạt và ưu điểm vượt trội về mặt công nghệ của robot khi áp dụng cắt thận tận gốc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Ljungberg B, Bex A, Albiges L et al**, "EAU Guidelines on Renal Cell Carcinoma", European Association of Urology, Limited Update March 2024.
2. **Motzer RJ, Jonasch E, Agarwa N et al**, "NCCN Clinical Practice Guidelines in Oncology: Kidney Cancer", National Comprehensive Cancer Network, Version 1, 2025.
3. **Abaza R**, "Robotic Radical Nephrectomy", Robotic Surgery, Springer International Publishing AG 2018, pp. 71 - 77. doi: 10.1007/978-3-319-65864-3.
4. **Stout TE, Gellhaus PT et al**, "Robotic Partial vs Radical Nephrectomy for Clinical T3a Tumors: A Narrative Review", Journal Of Endourology, Volume 37, Number 9 (2023), pp. 978 - 985. doi: 10.1089/end.2023.0173.
5. **Gershman B, Bukavina L, Chen Z, et al**. The association of robot - assisted versus pure laparoscopic radical nephrectomy with perioperative outcomes and hospital costs. Eur Urol Focus. 2020;6, pp. 305 - 312.
6. **Klingler DW, Hemstreet GP, Balaji KC et al**, "Feasibility of robotic radical nephrectomy initial results of single-institution pilot study", J Urology, 65, 2005, pp. 1086 - 1089.
7. **Jeong IG, Khandwala YS, Kim JH, et al**, "Association of robotic-assisted vs laparoscopic radical nephrectomy with perioperative outcomes and health care costs", JAMA, 318, 2017, pp. 1561 - 1568.
8. **Davila HH, Storey RE, Rose MC. et al**, "Robotic-assisted laparoscopic radical nephrectomy using the Da Vinci Si system: how to improve surgeon autonomy. Our step-by-step technique", J Robotic Surg, 10, 2016, pp. 285 - 288. DOI 10.1007/s11701-016-0608-6.
9. **Anele UA, Marchioni M, Yang B et al**, "Robotic versus laparoscopic radical nephrectomy: a large multi- institutional analysis", World J Urol, 37(11), 2019, pp. 2439 - 2450. doi: 10.1007/s00345-019-02657-2.
10. **Shen D, Du S, Huang Q, et al**. A modified sequential vascular control strategy in robot-assisted level III-IV inferior vena cava thrombectomy: initial series mimicking the open 'milking' technique principle. BJU Int. 2020, 126, pp. 447 - 456.

## KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ, THỰC HÀNH PHÒNG CHỐNG COVID-19 CỦA CÁC LỰC LƯỢNG CHỨC NĂNG TẠI CỬA KHẨU HỮU NGHỊ VÀ TÂN THANH TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2023

Nguyễn Thị Tố Uyên<sup>1</sup>, Lương Hoàng Huân<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Bệnh COVID-19 vẫn là một thách thức trên thế giới do vậy kiến thức, thái độ và thực hành của mỗi cá nhân đóng vai trò quan trọng trong phòng chống dịch. **Mục tiêu:** Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống COVID-19 của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn năm 2023. **Phương pháp:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 318 cán bộ làm việc tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn. **Kết quả:** Nghiên cứu cho thấy kiến thức, thái độ và thực hành chung về phòng chống COVID-19 lần lượt là 79,2%, 98,7% và 65,4%. **Kết luận:** Các lực lượng chức năng làm việc tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn phần lớn có kiến thức, thái độ và thực hành tốt về phòng chống dịch bệnh COVID-19. **Từ khóa:** COVID-19; Kiến thức; Thái độ; Thực hành.

### SUMMARY

#### KNOWLEDGE, ATTITUDE, AND PRACTICES ON COVID-19 PREVENTION OF THE FORCES ON DUTY AT HUU NGHİ AND TAN THANH BORDER GATES, LANG SON PROVINCE IN 2023

**Background:** COVID-19 remains a global challenge; therefore, the knowledge, attitudes, and practices of each individual play an importance role in pandemic prevention and control. **Objective:** To evaluate the knowledge, attitudes, and practices related to COVID-19 prevention and control among officials at the Huu Nghi and Tan Thanh border gates in Lang Son province in 2023. **Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted with 318 officials working at the Huu Nghi and Tan Thanh border gates in Lang Son province. **Results:** The study revealed that the general levels of knowledge, attitudes, and practices regarding COVID-19 prevention and control were 79.2%, 98.7%, and 65.4%, respectively. **Conclusions:** Most officials working at the Huu Nghi and Tan Thanh border gates in Lang Son province demonstrated good knowledge, attitudes, and practices related to COVID-19 prevention and control. **Keywords:** COVID-19; Knowledge; Attitude; Practice.

<sup>1</sup>Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên

<sup>2</sup>Cửa khẩu Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Thị Tố Uyên

Email: nguyenthitouyen@tnmc.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.12.2024

Ngày phản biện khoa học: 22.01.2025

Ngày duyệt bài: 24.2.2025

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại dịch COVID-19 đã và đang tác động rất lớn đến sức khỏe con người, đời sống, kinh tế, văn hóa xã hội của Việt Nam cũng như trên thế giới. Trong công tác phòng chống dịch đạt hiệu quả cao đòi hỏi người dân và người tham gia công tác phòng chống dịch phải có kiến thức và thái độ, thực hành đúng, theo kết quả nghiên cứu của một số tác giả như sau: Nghiên cứu Nguyễn Thu Hà và cộng sự (2022) cho thấy tỉ lệ nhân viên y tế có kiến thức tốt là 22,1%. Tỉ lệ nhân viên y tế có thái độ tốt về các biện pháp phòng ngừa và nguy cơ lây nhiễm COVID-19 là 97,1%. Tỉ lệ nhân viên y tế thực hành tốt tất cả các thực hành là 26,4%<sup>1</sup>. Nghiên cứu của tác giả Trần Đỗ Hùng và cộng sự cũng cho thấy: Kiến thức, thái độ và thực hành đúng trong phòng chống COVID-19 của người dân thành phố Cần Thơ đạt ở mức độ cao với tỉ lệ lần lượt là 86,0%, 94,3% và 82,3%<sup>2</sup>. Cửa khẩu là nơi người, phương tiện xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu. Các lực lượng chức năng làm việc tại cửa khẩu có vai trò rất quan trọng trong công tác phòng, chống dịch bệnh. Trong đó, các lực lượng như kiểm dịch y tế, biên phòng... là những tuyến đầu quan trọng, vừa tham gia phòng, chống dịch, vừa có nguy cơ lây nhiễm cao. Vậy câu hỏi đặt ra là kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống COVID-19 của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh hiện nay như thế nào? Để có bằng chứng khoa học chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài với mục tiêu: *"Đánh giá kiến thức, thái độ, thực hành phòng, chống COVID-19 của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn năm 2023"*.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** các cán bộ đang công tác tại tổ kiểm dịch y tế, trạm kiểm dịch động vật, trạm kiểm soát biên phòng, Chi cục hải quan tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh và Trung tâm quản lý cửa khẩu.

**2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** từ tháng 6 năm 2023 đến tháng 4 năm 2024. Tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn.

**2.3. Phương pháp và thiết kế nghiên cứu:** nghiên cứu mô tả, thiết kế cắt ngang.

### 2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

**2.4.1. Cỡ mẫu:** toàn bộ các cán bộ đang công tác tại cửa khẩu Quốc tế Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn, thu thập được 318 cán bộ.

**2.4.2. Chọn mẫu:** chọn mẫu chủ đích toàn bộ các cán bộ đang công tác tại Tổ Kiểm dịch y tế, Trạm Kiểm dịch động vật, Trạm Kiểm soát biên phòng, Chi cục Hải quan tại cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị và cửa khẩu Tân Thanh và Trung tâm Quản lý cửa khẩu.

**2.5. Công cụ thu thập số liệu:** Sử dụng bộ câu hỏi điều tra, gồm có 4 phần: Đặc điểm chung của ĐTNC, kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống COVID-19.

- **Thang đo kiến thức:** phần câu hỏi bao gồm 26 Câu về kiến thức bệnh COVID-19. Mỗi đáp án đúng: 1 điểm, đáp án sai: 0 điểm. Tổng điểm tối đa là 26 điểm. Trả lời đúng >70% tương ứng: Đánh giá kiến thức: Tốt > 18,2 Điểm, không tốt < 18,2 điểm.

- **Thang đo thái độ:** phần câu hỏi bao gồm 14 câu về thái độ của đối tượng nghiên cứu về phòng chống dịch. Câu trả lời gồm 5 mức độ: rất cần thiết, cần thiết, không rõ, không cần thiết, rất không cần thiết. 1 điểm thái độ đúng, 0 điểm thái độ chưa đúng. Tổng điểm tối đa 14 và thái độ tốt là trả lời đúng >70% tương ứng: Đánh giá tốt: Tốt > 9,8 điểm, không tốt < 9,8 điểm.

- **Thang đo thực hành:** phần câu hỏi bao gồm 12 câu về thực hành của đối tượng nghiên cứu về phòng chống dịch. Trong nghiên cứu này chúng tôi quy ước ĐTNC có thực hành đạt khi thực hiện được ≥70% số thực hành. Trong đó phải có 4 thực hành là: đeo khẩu trang; thường xuyên rửa tay bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn; tiêm vắc xin và tuân thủ cách ly y tế/điều trị theo quy định.

**2.6. Kỹ thuật thu thập số liệu:** Sử dụng phiếu điều tra để thu thập số liệu Bộ phiếu điều tra được thiết kế nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu. Gồm 4 phần nội dung chính Đặc điểm chung, kiến thức, thái độ và thực hành về phòng chống COVID-19. Sau khi thiết kế xong sẽ được điều tra thử và chỉnh sửa hoàn thiện trước khi điều tra chính thức. Tất cả nhóm điều tra viên đều được tập huấn trước khi điều tra. Tiến hành thu thập số liệu: điều tra viên trực tiếp phỏng vấn ĐTNC và ghi chép đầy đủ các thông tin vào phiếu điều tra.

**2.7. Phương pháp xử lý số liệu:** Số liệu được làm sạch ngay sau khi thu thập số liệu. Số liệu sau khi làm sạch được nhập bằng phần mềm Epidata 3.1. và được xử lý bằng phần mềm SPSS 18.0 theo các thuật toán thống kê y học. Thống kê mô tả: xác định số lượng (n), tỉ lệ %.

**2.8. Đạo đức nghiên cứu:** Đề tài đã được thông qua hội đồng đạo đức của trường Đại học

Y Dược, Đại học Thái Nguyên. Đối tượng nghiên cứu đồng ý tham gia. Các thông tin của ĐTNC được đảm bảo bí mật và chỉ sử dụng cho mục tiêu nghiên cứu. Trong quá trình thực hiện đề tài học viên tuân thủ theo đúng yêu cầu của đề cương nghiên cứu đã được thông qua Hội đồng Y đức Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**Bảng 1. Một số đặc điểm nhân khẩu học của ĐTNC (n=318)**

| Đặc điểm  |                      | Số lượng | Tỷ lệ % |
|-----------|----------------------|----------|---------|
| Giới tính | Nam                  | 256      | 80,5    |
|           | Nữ                   | 62       | 19,5    |
| Tuổi      | < 30                 | 4        | 1,3     |
|           | 31-40                | 143      | 45,0    |
|           | 41-50                | 127      | 39,9    |
|           | > 51                 | 44       | 13,8    |
| Dân tộc   | Kinh                 | 110      | 34,6    |
|           | Tày                  | 96       | 30,2    |
|           | Nùng                 | 102      | 32,1    |
|           | Khác                 | 10       | 3,1     |
| Trình độ  | Sau đại học, đại học | 226      | 71,1    |
|           | Trung cấp, cao đẳng  | 74       | 23,3    |
|           | khác                 | 18       | 5,7     |

Tỉ lệ đối tượng nghiên cứu nam cao hơn nữ chiếm 80,5%. Độ tuổi cao nhất từ 31-40 chiếm 45%, thấp nhất dưới 30 tuổi (1,3%). Dân tộc Kinh 34,6% chiếm tỉ lệ cao nhất. Trình độ đại học, sau đại học 71,1% chiếm tỉ lệ cao nhất.

**Bảng 2. Tỉ lệ đối tượng nghiên cứu được tiếp cận với nguồn thông tin/ được tập huấn về phòng chống COVID-19 (n=318)**

| Đặc điểm | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------|----------|---------|
|----------|----------|---------|

**Bảng 4. Kiến thức về các biện pháp phòng bệnh COVID-19 của ĐTNC (n=318)**

| Kiến thức                                                       |                                             | Số lượng | Tỷ lệ % |
|-----------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|----------|---------|
| Không đặc hiệu                                                  | Thực hiện 2K                                | 307      | 96,5    |
|                                                                 | Vệ sinh cá nhân                             | 177      | 55,7    |
|                                                                 | Nâng cao sức khỏe                           | 193      | 60,7    |
|                                                                 | Tăng cường thông khí, vệ sinh môi trường    | 155      | 48,7    |
|                                                                 | Tránh tiếp xúc với người có bệnh hô hấp cấp | 292      | 91,8    |
| Tiêm vắc xin phòng COVID-19                                     | Đúng                                        | 263      | 82,7    |
|                                                                 | Sai                                         | 45       | 14,2    |
|                                                                 | Không biết                                  | 10       | 3,1     |
| Kiểm dịch y tế biên giới cần thực hiện giám sát khách nhập cảnh | Đúng                                        | 313      | 98,4    |
|                                                                 | Sai                                         | 3        | 0,9     |
|                                                                 | Không biết                                  | 2        | 0,6     |
| Kiến thức chung tốt                                             |                                             | 252      | 79,2    |
| Kiến thức chung chưa tốt                                        |                                             | 66       | 20,8    |

Cán bộ có kiến thức chung tốt đạt tỉ lệ cao là 79,2%. Trong đó tỉ lệ trả lời đúng về các biện pháp phòng bệnh không đặc hiệu thực hiện 2K và tránh tiếp xúc với người có bệnh hô hấp cấp chiếm tỉ lệ cao: 96,5% và 91,8%; Tiêm vắc xin là biện pháp phòng bệnh đúng chiếm 82,7%; Kiểm dịch y tế cần thực hiện giám sát khách nhập cảnh chiếm tỉ lệ cao 98,4%.

|                     |                                 |     |      |
|---------------------|---------------------------------|-----|------|
| Các nguồn thông tin | Tivi, báo, đài                  | 313 | 98,4 |
|                     | Mạng xã hội, internet           | 308 | 96,9 |
|                     | Đồng nghiệp, người thân, bạn bè | 300 | 94,3 |
|                     | Nhân viên y tế                  | 204 | 64,2 |
|                     | Khác                            | 0   | 0    |
| Tập huấn            | Được tập huấn 1 lần             | 150 | 47,2 |
|                     | Được tập huấn 2-3 lần           | 43  | 13,5 |
|                     | Được tập huấn >3 lần            | 0   | 0    |
|                     | Chưa được tập huấn              | 125 | 39,3 |

Đa số đối tượng nghiên cứu được tiếp cận nguồn thông tin là từ tivi, báo, đài chiếm 98,4%; chỉ có 64,2% tiếp cận từ nhân viên y tế. Tỉ lệ cán bộ được tập huấn 01 lần là 47,2%, có tới 125 cán bộ chưa được tập huấn chiếm 39,3%.

**Bảng 3. Kiến thức về phương thức lây, nhóm đối tượng có nguy cơ mắc COVID-19 của ĐTNC (n=318)**

| Kiến thức                |                                  | Số lượng | Tỷ lệ % |
|--------------------------|----------------------------------|----------|---------|
| Phương thức lây          | Giọt bắn: hắt hơi, nói chuyện... | 297      | 93,4    |
|                          | Tiếp xúc, bề mặt ô nhiễm         | 210      | 66,0    |
|                          | Lây qua không khí                | 95       | 29,9    |
| Đối tượng có nguy cơ lây | Người cao tuổi                   | 263      | 82,7    |
|                          | Người bệnh mãn tính              | 258      | 81,1    |
|                          | Người chưa tiêm chủng            | 305      | 95,9    |
|                          | Thanh niên                       | 78       | 24,5    |
|                          | Khác                             | 1        | 0,3     |

Tỉ lệ trả lời phương thức lây truyền qua giọt bắn đạt tỉ lệ cao nhất chiếm 93,4%. Số người trả lời đúng về đối tượng có nguy cơ lây là những người chưa tiêm chủng là 305 chiếm tỉ lệ cao nhất 95,9%.

**Bảng 5. Thái độ về phòng chống COVID-19 của ĐTNC (n=318)**

| Thái độ                                                           | Rất cần thiết | Cần thiết | Không rõ | Không cần thiết | Rất không cần thiết |
|-------------------------------------------------------------------|---------------|-----------|----------|-----------------|---------------------|
|                                                                   | %             | %         | %        | %               | %                   |
| Cần đeo khẩu trang đúng cách, thường xuyên                        | 67,0          | 33,0      | 0,0      | 0,0             | 0,0                 |
| Cần đeo khẩu trang thường xuyên nơi công cộng, nhiễm khuẩn hô hấp | 63,8          | 36,2      | 0,0      | 0,0             | 0,0                 |
| Cần rửa tay đúng cách, thường xuyên                               | 37,7          | 60,4      | 1,3      | 0,6             | 0,0                 |
| Việc tiêm phòng vắc xin là cần thiết                              | 60,4          | 39,3      | 0,3      | 0,0             | 0,0                 |
| Thái độ chung tốt                                                 | 314           |           |          | 98,7            |                     |
| Thái độ chung chưa tốt                                            | 04            |           |          | 0,3             |                     |

Kết quả cho thấy các đối tượng nghiên cứu có thái độ chung tốt về phòng chống COVID-19 chiếm tỉ lệ cao 98,7%, đặc biệt là thái độ đeo khẩu trang đúng cách, thường xuyên là cần thiết/rất cần thiết chiếm tỉ lệ 100%. Có 60,4% cho rằng tiêm phòng vắc xin là rất cần thiết. Đa số các đối tượng đều cho rằng rửa tay thường xuyên và đúng cách là cần thiết và rất cần thiết chiếm tỉ lệ chiếm 98,1%.

**Bảng 6. Thực hành về phòng, chống dịch COVID-19 của ĐTNC (n=318)**

| Thực hành                                                            | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------------------------------------------------------------------|----------|---------|
| Đeo khẩu trang đúng cách                                             | 196      | 61,6    |
| Rửa tay đúng cách                                                    | 158      | 49,7    |
| Đã tiêm vắc xin (từ 2 mũi trở lên)                                   | 317      | 99,7    |
| Tuân thủ dự phòng lây nhiễm trước khi làm việc                       | 220      | 69,2    |
| Tuân thủ dự phòng lây nhiễm trong khi làm việc                       | 198      | 62,3    |
| Dự phòng lây nhiễm khi tiếp xúc khách, phương tiện, hàng hóa (n=200) | 159      | 79,5    |
| Thực hành chung tốt                                                  | 208      | 65,4    |
| Thực hành chung chưa tốt                                             | 110      | 34,5    |

Tỉ lệ tiêm vắc xin từ 02 mũi trở lên chiếm tỉ lệ cao 99,7%; thực hành các biện pháp dự phòng lây nhiễm khi tiếp xúc với khách, phương tiện, hàng hóa chiếm tỉ lệ cao 79,5%.

#### IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 318 cán bộ của các lực lượng chức năng làm việc tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh tỉnh Lạng Sơn. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỉ lệ nam cao hơn nữ điều này hoàn toàn phù hợp với đặc thù công tác tại cửa khẩu, chủ yếu ở độ tuổi 31-50 chiếm 84,9%, là độ tuổi có nhiều kinh nghiệm trong công tác và có trình độ chuyên môn tốt là điều kiện thuận lợi cho công tác phòng chống dịch.

Kiến thức chung của đối tượng nghiên cứu đạt mức độ tốt là 79,2% cao hơn kết quả 43,1% sinh viên có hiểu biết tốt trong nghiên cứu của Đào Thị Ngọc Huyền khảo sát sinh viên Đại học

Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (TP HCM)<sup>3</sup> và nghiên cứu của Most Zannatul Ferdous và cộng sự trên đối tượng cư dân từ 12-64 tuổi ở Bangladesh với 48,3% sinh viên có kiến thức tốt<sup>4</sup>. Về tỉ lệ được tập huấn là 60,7%, có tới 125 cán bộ chưa được tập huấn chiếm 39,3%. Đa phần tiếp cận nguồn thông tin từ tivi, báo, đài chiếm 98,4%; chỉ có 64,2% tiếp cận từ nhân viên y tế. Theo nghiên cứu của Huỳnh Giao (2020) tại Bệnh viện Quận 2, TP. Hồ Chí Minh cho thấy rằng 85% người dân tiếp cận thông tin từ mạng xã hội và đồng nghiệp tỉ lệ này cũng tương đồng với kết quả nghiên cứu của chúng tôi<sup>5</sup>. Có thể thấy rằng việc tiếp cận thông tin về COVID-19 là cần thiết, nhưng các chương trình tập huấn cần được cải thiện và mở rộng hơn nữa. Điều này không chỉ giúp nâng cao kiến thức mà còn cải thiện thái độ và thực hành phòng chống dịch bệnh của ĐTNC.

Thái độ chung cho thấy tất cả các cán bộ của các lực lượng chức năng làm việc tại cửa khẩu chiếm tỉ lệ cao 98,7%. Tỉ lệ nghiên cứu của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Ranauld Olum cho thấy 74% sinh viên Uganda có thái độ tích cực<sup>6</sup>. Tỉ lệ cho rằng đeo khẩu trang đúng cách, thường xuyên là cần thiết/rất cần thiết đạt 100%. Có 60,4% cho rằng tiêm phòng vắc xin là rất cần thiết. Đa số các đối tượng đều cho rằng rửa tay thường xuyên và đúng cách là cần thiết và rất cần thiết chiếm tỉ lệ chiếm 98,1%, kết quả nghiên cứu của chúng tôi khá tương đồng với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Ngọc Như Khuê tỉ lệ đeo khẩu trang đúng cách là 98,1% và rửa tay đúng cách là 95,8%<sup>7</sup>.

Tỉ lệ thực hành tốt của cán bộ các lực lượng chức năng làm việc tại cửa khẩu là 64,5%. Kết quả của chúng tôi thấp hơn so với kết quả của Bodrun Naher Siddiquea có thực hành tốt là 70%<sup>8</sup>. Tuy nhiên các đối tượng nghiên cứu đều đã tiêm vắc xin từ 02 mũi trở lên chiếm tỉ lệ cao 99,7%; thực hành các biện pháp dự phòng lây nhiễm đúng khi tiếp xúc với khách, phương tiện, hàng hóa chiếm tỉ lệ cao 79,5%. Trên thực tế

các cán bộ làm việc tại cửa khẩu không tiếp xúc hoàn toàn với các đối tượng có nguy cơ, thực hiện phân công nhiệm vụ theo nhiều vị trí việc làm và luân phiên nhau điều này cho thấy các cán bộ làm việc tại cửa khẩu thực hành khá tốt các biện pháp phòng chống dịch bệnh COVID-19.

## V. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 318 cán bộ làm việc tại cửa khẩu Hữu Nghị và Tân Thanh, tỉnh Lạng Sơn đã cung cấp tổng quan về thực trạng kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 của ĐTNC. Tỷ lệ cán bộ có kiến thức, thái độ, thực hành tốt khá cao lần lượt là 79,2%, 98,7% và 65,4%.

## VI. KHUYẾN NGHỊ

Cần phải tiếp tục thực hiện các lớp tập huấn để nâng cao kỹ năng thực hành phòng chống dịch bệnh COVID-19 nói riêng và phòng chống bệnh truyền nhiễm nói chung cho các cán bộ cửa khẩu tại tỉnh Lạng Sơn.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Thu Hà, Lê Ngọc Quang và cộng sự.** Kiến thức, thái độ, thực hành của nhân viên y tế về phòng ngừa lây truyền COVID-19 và một số yếu tố liên quan với thực hành phòng ngừa lây truyền tại Trung tâm Y tế huyện Hải Hà, tỉnh

Quảng Ninh, năm 2022. Tạp chí nghiên cứu Y học 2022, 160 (12V1) tr 309-318.

2. **Trần Đỗ Hùng, Trần Phước Thịnh, Nguyễn Tấn Đạt.** Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan trong phòng chống COVID-19 của người dân thành phố Cần Thơ. Tạp chí y học Việt Nam 2022, 518 (1) tr 90-95.
3. **Đào Thị Ngọc Huyền.** Kiến thức, thái độ về COVID-19 của sinh viên y đa khoa năm thứ năm và năm thứ sáu tại Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh. Tạp chí Y học Thành Phố Hồ Chí Minh 2021, vol. 25 no. 1, pp. 185-191.
4. **Ferdous MZ, Islam MS, Sikder MT et al.** Knowledge, attitude, and practice regarding COVID-19 outbreak in Bangladesh: An online-based cross-sectional study. PLoS One. 2020 Oct 9.
5. **Huỳnh Giao, Nguyễn Đăng Dung, Nguyễn Thị Ngọc Hân.** Kiến thức, thái độ và thực hành phòng ngừa COVID-19 của người bệnh tại bệnh viện Quận 2, TP Hồ Chí Minh. Tạp chí Nghiên cứu Y học 2021, 25 (2) tr 103-110
6. **R. Olum, J. Kajjimu ad el.** Perspective of Medical Students on the COVID-19 Pandemic: Survey of Nine Medical Schools in Uganda. JMIR Public Health Surveil. 2020, Vol. 6, no. 2, pp.187-194.
7. **Nguyễn Ngọc Như Khuê, Vũ Thị Quỳnh Hậu, Nguyễn Hữu Huyền.** Kiến thức, thái độ và thực hành phòng chống COVID-19 của người dân trên 18 tuổi tỉnh Đắk Lắk năm 2021, Tạp chí Y học Việt Nam 2021, 510 (1), tr 137-148
8. **Bodrun Naher Siddiquea ad el.** Knowledge, attitude and practice: a systematic review and meta-analysis. Global epidemiology of COVID-19 August 2021.

# ĐẶC ĐIỂM VÀ TỈ LỆ TÁI NHẬP VIỆN TRONG VÒNG 30 NGÀY CỦA BỆNH NHÂN SUY TIM CẤP TẠI BỆNH VIỆN NGUYỄN TRI PHƯƠNG

Nguyễn Cao Chí<sup>1</sup>, Lê Tự Phương Thúy<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mở đầu:** Suy tim cấp có nguy cơ tái nhập viện cao, làm gia tăng đáng kể chi phí liên quan đến chăm sóc và điều trị. Với nhiều tiến bộ trong điều trị suy tim hiện nay, các đặc điểm lâm sàng và cận lâm sàng cũng như tỉ lệ tái nhập viện có thể thay đổi đáng kể so với trước đây. Do đó việc mô tả các đặc điểm này cũng như xác định tỉ lệ tái nhập viện trong vòng 30 ngày là cần thiết để cung cấp cái nhìn cập nhật và chính xác hơn về thực trạng bệnh. **Mục tiêu:** Xác định các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng và tỉ lệ tái nhập viện trong vòng 30 ngày của bệnh nhân suy tim cấp. **Đối tượng – phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả thực hiện trên 120 bệnh nhân được chẩn đoán suy tim cấp, trong thời gian từ

tháng 2/2024 đến tháng 8/2024 tại khoa Nội tim mạch, bệnh viện Nguyễn Tri Phương. Các đặc điểm lâm sàng, cận lâm sàng, thông tin tái nhập viện được ghi nhận từ hồ sơ bệnh án và phỏng vấn qua điện thoại. **Kết quả:** Trong thời gian từ tháng 2/2024 đến tháng 8/2024 có 120 bệnh nhân tham gia nghiên cứu với tuổi trung bình là  $67,1 \pm 13,8$ , nam giới chiếm 53,3%. Ba nguyên nhân suy tim thường gặp là bệnh mạch vành (57,5%), bệnh van tim (18,3%) và bệnh cơ tim (16,7%). Yếu tố thúc đẩy thường gặp nhất là nhiễm trùng (28,3%). Ba bệnh lý đi kèm và yếu tố nguy cơ tim mạch chiếm tỉ lệ cao nhất là rối loạn lipid máu (75,8%), bệnh tim thiếu máu cục bộ (63,3%) và tăng huyết áp (52,5%). Tỉ lệ bệnh nhân được chẩn đoán suy tim cấp mới là 31,7%. Phân suất tổng máu trung vị là 37,1%. Hơn 50% bệnh nhân là suy tim phân suất tổng máu giảm, khi xuất viện tỉ lệ bệnh nhân suy tim phân suất tổng máu giảm được điều trị thuốc ức chế hệ RAAS là 92,7%, thuốc lợi tiểu kháng Aldosterone là 89,7%, nhóm SGLT2i là 85,3%, chẹn beta là 60,3%. Tỉ lệ tái nhập viện trong vòng 30 ngày của dân số nghiên cứu là 20,8%. **Kết luận:** Nguyên nhân suy tim do bệnh mạch vành thường gặp nhất.

<sup>1</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch  
Chịu trách nhiệm chính: Lê Tự Phương thúy  
Email: thuytpt@pnt.edu.vn  
Ngày nhận bài: 20.12.2024  
Ngày phản biện khoa học: 23.01.2025  
Ngày duyệt bài: 25.2.2025